

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 2 – GIA LAI
TỈNH GIA LAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 42/2026/HNGĐ-ST

Ngày 09-4-2026

V/v ly hôn, tranh chấp về
nuôi con khi ly hôn

NHÂN DANH NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 – GIA LAI, TỈNH GIA LAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Minh Hậu.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Văn Bình.

2. Ông Đặng Văn Thái.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Mai, là Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 2 – Gia Lai, tỉnh Gia Lai.

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 – Gia Lai, tỉnh Gia Lai tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Liêm – Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 4 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 2 – Gia Lai, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 10/2026/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 01 năm 2026, về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 86/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 11 tháng 3 năm 2026, Quyết định hoãn phiên tòa số 1017/2026/QĐST-HNGĐ ngày 24 tháng 3 năm 2026 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị **Lê Đặng Ngọc T**, sinh ngày 10/9/1993; CCCD: 052193000642; địa chỉ: **Thôn X, phường A, tỉnh Gia Lai**; có đơn xin xét xử vắng mặt.

- *Bị đơn:* Anh **Đinh Văn H**, sinh ngày 26/10/1990; CCCD: 052090010746; địa chỉ: **Số nhà D đường M, phường B, tỉnh Gia Lai**; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 10 tháng 11 năm 2025, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị **Lê Đặng Ngọc T** trình bày: Chị và anh **Đinh Văn H** quen biết, tìm hiểu một thời gian thì tự nguyện đi đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn vào ngày 14 tháng 4 năm 2020 tại **Ủy ban nhân dân xã N, thị xã A, tỉnh Bình Định**. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc. Thời gian gần đây thì xảy ra mâu thuẫn do không còn tiếng nói chung, thường hay cãi vã, vợ chồng không

còn tình cảm. Nay xét thấy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, không thể tiếp tục chung sống với nhau nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh H để ổn định cuộc sống.

Về con chung: Chị và anh H có 01 con chung tên là Đinh Ngọc T1, sinh ngày 22 tháng 7 năm 2020. Hiện con đang sống với anh H. Tuy nhiên, anh H đã thế chấp xe máy của vợ chồng nên không còn phương tiện đi lại và không cho con đến trường đi học. Chị làm công nhân may, mức lương đủ để nuôi con. Do đó, chị yêu cầu nếu ly hôn thì chị được trực tiếp nuôi con để con được chăm sóc chu đáo và được đến trường.

Về cấp dưỡng nuôi con: Vợ chồng tự thỏa thuận nên chị không yêu cầu tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ: Chị và anh H tự thỏa thuận về tài sản chung và nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Đinh Văn H không cung cấp văn bản trình bày ý kiến cũng như không tham gia tố tụng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 – Gia Lai, tỉnh Gia Lai phát biểu quan điểm:

Về thủ tục tố tụng: Tòa án tiến hành thu thập đầy đủ các tài liệu, chứng cứ liên quan đến vụ án. Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn không chấp hành các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, chị Lê Đặng Ngọc T được ly hôn với anh Đinh Văn H; Về con chung: Giao cháu Đinh Ngọc T1, sinh ngày 22 tháng 7 năm 2020 cho chị Lê Đặng Ngọc T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng; Về cấp dưỡng nuôi con, về nợ chung và tài sản chung không có yêu cầu nên không giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Chị Lê Đặng Ngọc T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn, tranh chấp quyền nuôi con với anh Đinh Văn H là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn anh H đang cư trú tại phường B, tỉnh Gia Lai nên theo quy định tại Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 1 Luật số 85/2025/QH15 ngày 25/6/2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của bộ luật tố tụng dân sự, luật tố tụng hành chính, luật tư pháp người chưa thành niên, luật phá sản và luật hòa giải, đối thoại tại tòa án thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 2 – Gia Lai, tỉnh Gia Lai.

[2] Về thủ tục tố tụng: Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa, chị T có đơn xin xét xử vắng mặt, anh H

vắng mặt lần thứ hai không có lý do. Do đó, áp dụng Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt chị **T**, anh **H**.

[3] Quá trình giải quyết vụ án, chỉ có chị **T** cung cấp tài liệu chứng cứ. Hội đồng xét xử căn cứ vào những tài liệu chứng cứ này và kết quả thu thập chứng cứ của Tòa án để giải quyết vụ án.

[4] Về hôn nhân: Chị **Lê Đăng Ngọc T** và anh **Đình Văn H** tự nguyện đăng ký kết hôn ngày 14 tháng 4 năm 2020 tại Ủy ban nhân dân xã N, thị xã A, tỉnh Bình Định nên hôn nhân giữa chị **T**, anh **H** là hôn nhân hợp pháp. Xét yêu cầu ly hôn của chị **T**, Hội đồng xét xử nhận thấy: Chị **T** xin ly hôn vì lý do vợ chồng không có tiếng nói chung trong cuộc sống, thường hay cãi vã, vợ chồng không còn tình cảm. Quá trình giải quyết vụ án, anh **Đình Văn H** không đến Tòa án làm việc, cũng không có ý kiến phản hồi hay biện pháp nào thể hiện thiện chí hàn gắn, đoàn tụ vợ chồng. Tuy là vợ chồng hợp pháp nhưng chị **T** và anh **H** không sống chung với nhau, không quan tâm, chăm sóc lẫn nhau. Điều này cho thấy quan hệ hôn nhân giữa chị **T**, anh **H** đã lâm vào tình trạng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài. Do đó, áp dụng Điều 51, khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình, cho chị **T** được ly hôn anh **H**.

[5] Về quan hệ con chung: Chị **T** và anh **H** có 01 con chung tên là **Đình Ngọc T1**, sinh ngày 22 tháng 7 năm 2020. Hiện cháu **T1** đang sống với anh **H**. Chị **T** yêu cầu được trực tiếp nuôi con vì anh **H** không cho con đến trường, anh **H** nhận thông báo thụ lý vụ án biết chị **T** tranh chấp quyền nuôi con nhưng không đến Tòa khai báo, từ bỏ quyền chứng minh điều kiện nuôi con. Theo Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình quy định việc giao con cho cha hoặc mẹ trực tiếp nuôi dưỡng phải bảo đảm quyền lợi về mọi mặt của con đồng thời phải xem xét nguyện vọng của con từ đủ 07 tuổi trở lên; Con dưới 36 tháng tuổi được giao cho mẹ trực tiếp nuôi, trừ trường hợp người mẹ không đủ điều kiện để trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con hoặc cha mẹ có thỏa thuận khác phù hợp với lợi ích của con. Cháu **Đình Ngọc T1** hiện nay chưa đủ 07 tuổi nhưng là con gái, còn nhỏ, cần sự quan tâm, chăm sóc của mẹ. Ngoài ra chị **T** có công việc và thu nhập ổn định, có nguyện vọng thiết tha và cam kết cho con đi học đầy đủ. Từ những căn cứ trên, để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của trẻ em đặc biệt là quyền được học tập nên áp dụng Điều 81 của pháp luật giao cháu **Đình Ngọc T1** cho chị **T** trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

[6] Chị **Lê Đăng Ngọc T** không yêu cầu anh **Đình Văn H** cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về tài sản chung và nợ: Chị **T** không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[8] Về án phí: Theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử

dụng án phí, lệ phí Tòa án, chị Lê Đăng Ngọc T phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn.

[9] Tại phiên toà, đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2, tỉnh Gia Lai đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, chị Lê Đăng Ngọc T được ly hôn với anh Đinh Văn H; Về con chung: Giao cháu Đinh Ngọc T1, sinh ngày 22 tháng 7 năm 2020 cho chị Lê Đăng Ngọc T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng; Về cấp dưỡng nuôi con, về nợ chung và tài sản chung không có yêu cầu nên không giải quyết là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 1 Luật số 85/2025/QH15 ngày 25/6/2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của bộ luật tố tụng dân sự, luật tố tụng hành chính, luật tư pháp người chưa thành niên, luật phá sản và luật hòa giải, đối thoại tại Tòa án;

Căn cứ Điều 51, khoản 1 Điều 56, khoản 2 Điều 81, các Điều 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Cho chị **Lê Đăng Ngọc T** ly hôn anh **Đinh Văn H**.

2. Giao con chung là cháu **Đinh Ngọc T1**, sinh ngày 22 tháng 7 năm 2020 cho chị **Lê Đăng Ngọc T** trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Hiện cháu **T1** đang sống với anh **H**; Chị **T** không yêu cầu anh **H** cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở; nhưng không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc làm ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, cũng như việc cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Chị **T** không yêu cầu nên Hội đồng xét xử sơ thẩm không giải quyết.

4. Về án phí: Chị **Lê Đăng Ngọc T** phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí ly hôn nhưng được khấu trừ vào 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí mà chị **T** đã nộp theo biên lai thu tiền số 0000169 ngày 07 tháng 01 năm 2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Gia Lai.

Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND khu vực 2 – Gia Lai;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai;
- Phòng THADS khu vực 2 – Gia Lai;
- UBND phường An Nhơn Bắc, tỉnh Gia Lai (Số 15/2020);
- Lưu hồ sơ vụ án.

Trần Thị Minh Hậu